

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Cẩm Tú

Ông Nguyễn Văn Ghên

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày: bà và ông Nguyễn Văn T cưới nhau năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 03/6/2015. Sau khi kết hôn, bà và ông T với gia đình bên bà tại xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường và hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm 2016, bà và ông T thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cuộc sống kinh tế của gia đình. Bà thương ông T nên bà đã nhiều lần chịu đựng và cố gắng khuyên ngăn, nhưng ông T vẫn không thay đổi.

Khoảng tháng 02 năm 2016, sau khi cãi vã, ông T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã B, huyện N, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay. Từ đó, bà và ông T ít liên lạc với nhau. Nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con C: Quá trình C sống, bà và ông T không có con C, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ C: Bà xác định bà và ông T không có tài sản C và không có nợ ai, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện các yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà C đối với ông T, nhưng ông T vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà C.

Ngày 07/7/2017, bà Nguyễn Thị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục C.

Tại phiên tòa hôm nay: bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp theo tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T đang cư trú tại xã B, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn – ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất vào ngày 14/8/2017 và đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T, nhưng ông T vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2017 cho ông T, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: bà C và ông T tự nguyện sống C và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 60/2015 đăng ký ngày 03/6/2015 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ ông T không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa họ là có thật, đã thật sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, bà C và ông T cũng đã không còn C sống với nhau từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, việc bà C cương quyết ly hôn với ông T là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con C, tài sản C và nợ C: Do ông T cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày; Bà C xác nhận giữa bà C và ông T không có con C, tài sản C, không có nợ ai và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nộp Ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0000474 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã B, huyện N, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương